ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA ĐỊA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐỊA LÝ
Chuyên ngành Địa Lý Môi Trường

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã môn học	Tên môn học (tiếng Việt-Anh)	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết	Ghi chú
Kiến thức Chuyên ngành Địa lý Môi trường			**35**	**12**		
1	DIA049	Môi trường học cơ bản **Fundamentals of environment study**	2		30	
2	DIA070.1	Tài nguyên đất và ô nhiễm môi trường đất **Soil resources and soil pollution**	2		30	
3	DIA073.1	Tài nguyên nước và ô nhiễm môi trường nước **Water resources and water pollution**	2		30	
4	DIA071	Tài nguyên khí hậu và ô nhiễm môi trường không khí **Climate resources and air pollution**	2		30	
5	DIA074	Tài nguyên, sinh thái rừng **Forest ecology and resources**	2		30	
6	DIA072.1	Tài nguyên khoáng sản và năng lượng **Mineral environmental resources and energy**		2	30	
7	DIA030	Hoá học môi trường **Environmental chemistry**	3		45	
8	DIA083.1	Thực tập phân tích môi trường **Environmental analisys practice**	2		45	15LT+30TH; (1 LT=2TH)
9	DIA001.1	Bản đồ chuyên đề **Thematic cartography**		2	45	30LT+15TH
10	DIA064	Quản lý môi trường **Environmental management**	3		45	

11	DIA062	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học môi trường **Research methodology for environment studies**	3		45	
12	DIA045.1	Luật và chính sách môi trường **Law and environmental policies**	2		30	
13	DIA033	Kinh tế môi trường **Environmental economics**	3		45	
14	DIA040	Kỹ thuật môi trường **Environmental engineering**	3		45	
15	DIA086	Thực tập thực tế chuyên ngành Địa lý môi trường **Field trip**	2		60	
16	DIA089	Thực tập tốt nghiệp **Graduation Internship**	2		60	
17	DIA078.1	Thống kê ứng dụng **Applied statistics**		2	30	
18	DIA014.1	Dân số, môi trường và phát triển **Population, environment and development**		2	30	
19	DIA063.1	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại **Manaegement of solid waste and hazadous waste**		2	30	
20	DIA026.1	Độc học môi trường **Environmental Toxicology**		2	30	
21	DIA003.1	Bệnh học môi trường **Environment and diseases**		2	30	
22	DIA095.1	Ứng dụng GIS & Viễn thám trong quản lý tài nguyên, môi trường **Application of remote sensing - GIS for environmental resources management**		3	60	30LT+30TH; (1 LT=2TH)
23	DIA110.1	Giáo dục môi trường **Environmental education**		2	30	

24	DIA105.1	Đánh giá tác động môi trường **Environmental Impact Assessment**	2		30	
25	DIA032	Khoá luận tốt nghiệp **Bachelor Thesis**		10	150	
26	DIA025.1	Đồ án chuyên ngành môi trường **Graduation project**		5	75	
27	DIA125	Chuẩn bị và ứng phó với sự cố, thảm họa **Disaster preparedness and response**		2	30	
		Tổng cộng	**35+12=47**			